

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm 2025



## **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB**

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

# **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty Quý III năm 2025.

## **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 48/UBCK-GP đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 01 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 98/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 09 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103401797 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 01 năm 2009, thay đổi lần thứ 12 ngày 14 tháng 10 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Nga	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Kiều Anh	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Hồ Nga	Thành viên HĐQT

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Hồ Nga	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo tài chính này là bà Nguyễn Hồ Nga - Tổng giám đốc.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

---

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.



Nguyễn Hồ Nga  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>6,144,881,090</b>	<b>7,432,513,842</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>4,223,579,370</b>	<b>2,666,268,764</b>
111	1. Tiền		4,223,579,370	2,666,268,764
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>3,666,625,905</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	3,667,654,779
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	(1,028,874)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1,839,340,021</b>	<b>974,149,211</b>
132	2. Trả trước cho người bán	4	29,900,000	297,150,000
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5	1,806,140,021	669,131,211
135	4. Các khoản phải thu khác	6	3,300,000	7,868,000
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>81,961,699</b>	<b>125,469,962</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	81,961,699	125,469,962
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>22,481,339,424</b>	<b>23,321,356,106</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>124,778,500</b>
218	1. Phải thu dài hạn khác	8	-	124,778,500
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>3,004,943,810</b>	<b>3,203,141,246</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	-	47,871,912
222	- Nguyên giá		-	251,363,998
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(203,492,086)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3,004,943,810	3,155,269,334
228	- Nguyên giá		3,408,600,000	3,439,100,000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(403,656,190)	(283,830,666)
<b>250</b>	<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>19,386,351,808</b>	<b>19,820,000,000</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác		19,800,000,000	19,820,000,000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(413,648,192)	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>90,043,806</b>	<b>173,436,360</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	90,043,806	173,436,360
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>28,626,220,514</b>	<b>30,753,869,948</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB**Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và  
số 17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
Quý III năm 2025**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1,414,407,521</b>	<b>2,310,389,382</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1,414,407,521</b>	<b>2,310,389,382</b>
312	1. Phải trả người bán	12	964,500,000	1,350,739,997
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	108,328,221	157,439,664
315	3. Phải trả người lao động		324,578,000	607,860,731
316	4. Chi phí phải trả	14	-	58,439,230
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	17,001,300	135,909,760
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	16	<b>27,211,812,993</b>	<b>28,443,480,566</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50,000,000,000	50,000,000,000
420	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(22,788,187,007)	(21,556,519,434)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>28,626,220,514</b>	<b>30,753,869,948</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB**

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và  
số 17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Quý III năm 2025

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		9,800,000,000	10,860,550,000
007	1.1 Chứng khoán giao dịch		9,800,000,000	10,860,550,000
020	2. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ		10,000,000,000	10,000,000,000
030	3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	17	68,766,276	28,046,812
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		68,766,276	28,046,812
040	4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	18	499,583,390,000	34,832,844,125
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		499,583,390,000	34,832,844,125
050	5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	19	15,470,000,000	44,100,000
051	6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	20	2,210,191,733	187,066,873

**Nguyễn Thị Liên**  
Người lập

**Đỗ Thị Phương Lan**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Hồ Nga**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024
			VND	VND
01	<b>1. Doanh thu</b>	21	1,806,140,021	2,885,008,100
01.2	Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư		1,802,720,093	590,391,544
01.4	Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán		-	2,150,000,000
01.9	Doanh thu khác		3,419,928	144,616,556
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>		1,806,140,021	2,885,008,100
11	<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán</b>	22	424,212,252	691,791,936
	Chi phí hoạt động quản lý quỹ ĐTCK và công ty ĐTCK		424,212,252	691,791,936
20	<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>		1,381,927,769	2,193,216,164
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	19,340,664	301,209,948
22	7. Chi phí tài chính	24	392,499,792	15,026,745
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1,140,765,807	1,266,526,098
30	<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		(131,997,166)	1,212,873,269
32	11. Chi phí khác		124,878,500	6,562,653
40	<b>12. Lợi nhuận khác</b>		(124,878,500)	(6,562,653)
50	<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		(256,875,666)	1,206,310,616
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		(256,875,666)	1,206,310,616
70	<b>17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		(51)	24

Nguyễn Thị Liên  
Người lập

Đỗ Thị Phương Lan  
Kế toán trưởng



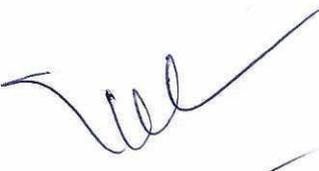
Nguyễn Hồ Nga  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Quý III năm 2025  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III năm 2025 VND	Quý III năm 2024 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(256,875,666)	1,206,310,616
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		(4,640,365)	72,763,131
03	- Các khoản dự phòng		392,499,792	5,940,007
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(19,340,664)	(301,209,948)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		111,643,097	983,803,806
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(972,940,317)	(93,868,481)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		-	(1,080,007,332)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		36,466,243	22,427,597
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		82,541,949	13,867,660
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(742,289,028)	(153,776,750)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		30,500,000	-
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		19,340,664	301,209,948
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		49,840,664	301,209,948
50	Lưu chuyển tiền thuần trong		(692,448,364)	147,433,198
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	3	4,916,027,734	2,248,118,139
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>4,223,579,370</u>	<u>2,395,551,337</u>

Nguyễn Thị Liên  
Người lập

Đỗ Thị Phương Lan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nga  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB**Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17  
Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Quý III năm 2025

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Quý III năm 2025

Quý III năm 2025	Thuyết minh	Số đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50,000,000,000	-	-	50,000,000,000
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(22,531,311,341)	-	(256,875,666)	(22,788,187,007)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>16</b>	<b>27,468,688,659</b>	<b>-</b>	<b>(256,875,666)</b>	<b>27,211,812,993</b>
Quý III năm 2024	Thuyết minh	Số đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50,000,000,000	-	-	50,000,000,000
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(22,782,336,555)	1,206,310,616	-	(21,576,025,939)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>16</b>	<b>27,217,663,445</b>	<b>1,206,310,616</b>	<b>-</b>	<b>28,423,974,061</b>


Nguyễn Thị Liên  
Người lập

Đỗ Thị Phương Lan  
Kế toán trưởngNguyễn Hồ Nga  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2025

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 48/UBCK-GP đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 01 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 98/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 09 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103401797 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 01 năm 2009, thay đổi lần thứ 12 ngày 14 tháng 10 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 50,000,000,000 đồng; tương đương 5,000,000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 là: 15 người (tại ngày 01 tháng 07 năm 2025 là: 14 người).

#### 1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 30/09/2025, Công ty Quản lý Quỹ LPB đang thực hiện quản lý 02 quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Giá trị GFM1 và Quỹ Đầu tư trái phiếu LP.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Chế độ kế toán công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

##### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

**2.3 . Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Phân loại và dự phòng nợ phải thu khó đòi;
- Ước tính chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

**2.4 . Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**2.5 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

**2.6 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07/04/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

## 2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc thiết bị	05 năm
- Phần mềm quản lý, website	05 - 15 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	03 năm

## 2.8 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn chứng khoán bán ra.

## 2.9 . Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC.

## **2.10 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## **2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng;
- Chi phí trả trước là phí dịch vụ viễn thông, thuê văn phòng, phí bảo hiểm, phí duy trì tên miền, website,... được ghi nhận theo chi phí ban đầu theo giá gốc và phân bổ theo thời hạn trong hợp đồng.

## **2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## **2.13 . Chi phí phải trả**

Các khoản khoản phải trả là các chi phí thực tế đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả như phí quản lý quỹ, phí kiểm toán, các khoản phí khác... nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## **2.14 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## **2.15 . Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

**2.16 . Các khoản thuế**

*a) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

*b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành*

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**2.17 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.18 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.19 . Thông tin bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là quản lý danh mục đầu tư, quản lý các quỹ đầu tư và tư vấn, đồng thời chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB**Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số  
17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
Quý III năm 2025**3 . TIỀN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	18	239,306,360
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4,223,579,352	2,426,962,404
	<b>4,223,579,370</b>	<b>2,666,268,764</b>

**4 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Đông Dương		196,350,000
Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC	27,000,000	-
Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên DK		10,800,000
Trả trước cho người bán khác	2,900,000	90,000,000
	<b>29,900,000</b>	<b>297,150,000</b>

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ chi tiết theo nội dung</b>		
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	1,371,862,107	177,244,398
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư	430,857,986	491,886,813
Phải thu phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	-
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác	3,419,928	-
	<b>1,806,140,021</b>	<b>669,131,211</b>
Trong đó: Phải thu hoạt động nghiệp vụ là các bên liên quan	430,857,986	631,224,281
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 26)</i>		

**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu khác chi tiết theo nội dung</b>		
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	3,300,000	3,300,000
Phải thu cổ tức được nhận		4,200,000
Phải thu khác	-	368,000
	<b>3,300,000</b>	<b>7,868,000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB**

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số  
17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Quý III năm 2025

**7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí cước dịch vụ viễn thông	39,600,000	39,600,000
Chi phí thuê văn phòng	-	40,531,451
Chi phí mua bảo hiểm	1,952,247	19,522,479
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	40,409,452	25,816,032
<b>Tổng cộng</b>	<b>81,961,699</b>	<b>125,469,962</b>
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí công cụ, dụng cụ	37,515,156	95,442,960
Chi phí trả trước dài hạn khác	52,528,650	77,993,400
<b>Tổng cộng</b>	<b>90,043,806</b>	<b>173,436,360</b>

**8 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	-	124,778,500
	-	<b>124,778,500</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB**

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải  
và số 17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Quý III năm 2025

**9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tổng giá trị theo giá thị trường (*)		Dự phòng	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư Giá trị GFM1 (1)	1,000,000	1,000,000	10,000,000,000	10,000,000,000	9,586,351,808	10,650,057,647	(413,648,192)	-
- Khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư Gia tăng Giá trị GFM (2)	980,000	980,000	9,800,000,000	9,800,000,000	9,928,164,400	10,099,673,592	-	-
- Tiền gửi tiết kiệm trên 3 tháng	-	-	-	20,000,000	-	-	-	-
	<b>1,980,000</b>	<b>1,980,000</b>	<b>19,800,000,000</b>	<b>19,820,000,000</b>	<b>19,514,516,208</b>	<b>20,749,731,239</b>	<b>(413,648,192)</b>	<b>-</b>

**Ghi chú:**

Giá trị thị trường của chứng chỉ quỹ được xác định theo giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

(1) Chứng chỉ Quỹ do Quỹ Đầu tư Giá trị GFM1 phát hành với giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2024 và ngày 30/09/2025 lần lượt là 10.650,06 đồng/chứng chỉ quỹ và 9.586,35 đồng/chứng chỉ quỹ.

(2) Chứng chỉ Quỹ do Quỹ Đầu tư Gia tăng giá trị GFM - VIF phát hành với giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2024 và ngày 30/09/2025 lần lượt là 10.305,79 đồng/chứng chỉ quỹ và 10.130,78 đồng/chứng chỉ quỹ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB**Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số  
17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Quý III năm 2025

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/07/2025	-	-
<b>Tại ngày 30/09/2025</b>	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/07/2025	-	-
Trích khấu hao	-	-
<b>Tại ngày 30/09/2025</b>	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/04/2025	-	-
<b>Tại ngày 30/09/2025</b>	-	-

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Tài sản cố định vô</u>	<u>Cộng</u>
	máy tính	hình khác	VND
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/07/2025	3,378,600,000	60,500,000	3,439,100,000
Tăng khác	-	30,000,000	30,000,000
Giảm khác	-	(60,500,000)	(60,500,000)
<b>Tại ngày 30/09/2025</b>	<b>3,378,600,000</b>	<b>30,000,000</b>	<b>3,408,600,000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/07/2025	347,796,555	-	347,796,555
Trích khấu hao	55,859,635	-	55,859,635
<b>Tại ngày 30/09/2025</b>	<b>403,656,190</b>	-	<b>403,656,190</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/07/2025	3,030,803,445	60,500,000	3,091,303,445
<b>Tại ngày 30/09/2025</b>	<b>2,974,943,810</b>	<b>30,000,000</b>	<b>3,004,943,810</b>

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Hà Thành	-	50,997,825
Công ty Cổ phần Giải pháp phần mềm tài chính	964,500,000	1,286,000,000
Các khoản phải trả người bán khác	-	13,742,172
	<b>964,500,000</b>	<b>1,350,739,997</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB**Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số  
17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
Quý III năm 2025**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	108,328,221	152,939,664
Các loại thuế khác	-	4,500,000
	<b>108,328,221</b>	<b>157,439,664</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí bảo trì phần mềm	-	13,500,000
Chi phí phải trả khác	-	44,939,230
	<b>-</b>	<b>58,439,230</b>

**15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	3,028,800	68,109,760
Bảo hiểm xã hội	(27,500)	-
Phải trả ngắn hạn khác	14,000,000	67,800,000
	<b>17,001,300</b>	<b>135,909,760</b>

Trong đó: Phải trả, phải nộp khác là các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 26)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
	14,000,000	64,800,000

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Quý III năm 2024</b>			
Số đầu kỳ	50,000,000,000	(22,782,336,555)	27,217,663,445
Tăng vốn	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	1,206,310,616	1,206,310,616
Số cuối kỳ	<b>50,000,000,000</b>	<b>(21,576,025,939)</b>	<b>28,423,974,061</b>
<b>Quý III năm 2025</b>			
Số đầu kỳ	50,000,000,000	(22,531,311,341)	27,468,688,659
Lãi trong kỳ	-	(256,875,666)	(256,875,666)
Số cuối kỳ	<b>50,000,000,000</b>	<b>(22,788,187,007)</b>	<b>27,211,812,993</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB**Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số  
17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Quý III năm 2025

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH Lucky	0.00	-	27.48	13,738,000,000
Công ty cổ phần Thaiholdings	15.00	7,500,000,000		
Bà Đỗ Hoàng Quỳnh Trang	0.00	-	68.80	34,400,000,000
Bà Nguyễn Thị Vui	81.28	40,638,000,000	0.00	
Bà Nguyễn Ngọc Mỹ Anh	3.72	1,862,000,000	0.00	
Ông Nguyễn Văn Hoà	0.00	-	3.72	1,862,000,000
	<b>100.00</b>	<b>50,000,000,000</b>	<b>100.00</b>	<b>50,000,000,000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	50,000,000,000	50,000,000,000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	50,000,000,000	50,000,000,000

**d) Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5,000,000	5,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5,000,000	5,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5,000,000	5,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,000,000	5,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5,000,000	5,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

**17 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

	Quý III năm 2025	Số đầu năm
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	-	1,916,507,684
Số tăng trong kỳ	1,000,055,122,991	98,886,171,913
Số giảm trong kỳ	(999,986,356,715)	(100,774,632,785)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>68,766,276</b>	<b>28,046,812</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB**Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số  
17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
Quý III năm 2025**18 . DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	-
- Chứng khoán niêm yết	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	499,583,390,000	34,832,844,125
- Chứng khoán niêm yết	499,583,390,000	34,832,844,125
	<b>499,583,390,000</b>	<b>34,832,844,125</b>

**19 . CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu tiền cổ phiếu đã bán	-	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	-
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	15,470,000,000	44,100,000
	<b>15,470,000,000</b>	<b>44,100,000</b>

**20 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả thuế TNCN từ chuyển nhượng chứng khoán và thu nhập đầu tư vốn	773,500,000	-
Phải trả phí quản lý danh mục đầu tư	1,371,862,107	177,244,398
Phải trả khác	64,829,626	9,822,475
	<b>2,210,191,733</b>	<b>187,066,873</b>

**21 . DOANH THU**

	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024
	VND	VND
Phí mua lại chứng chỉ quỹ mở	3,419,928	144,616,556
Doanh thu hoạt động quản lý tài khoản đầu tư	430,857,986	590,391,544
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư	-	2,150,000,000
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục ủy thác	1,371,862,107	-
	<b>1,806,140,021</b>	<b>2,885,008,100</b>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 26)

434,277,914	631,224,281
-------------	-------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB**Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số  
17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Quý III năm 2025

**22 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Quý III năm 2025</u>	<u>Quý III năm 2024</u>
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh	424,212,252	691,791,936
	<b><u>424,212,252</u></b>	<b><u>691,791,936</u></b>

**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Quý III năm 2025</u>	<u>Quý III năm 2024</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	19,340,664	804,366
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	19,400,000
Lãi bán các loại chứng khoán	-	281,005,582
	<b><u>19,340,664</u></b>	<b><u>301,209,948</u></b>

**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Quý III năm 2025</u>	<u>Quý III năm 2024</u>
	VND	VND
Lỗ bán các loại chứng khoán	-	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	392,499,792	5,940,007
Chi phí tài chính khác	-	9,086,738
	<b><u>392,499,792</u></b>	<b><u>15,026,745</u></b>

**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Quý III năm 2025</u>	<u>Quý III năm 2024</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	896,134,215	809,118,060
Chi phí đồ dùng văn phòng	15,692,364	13,848,323
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,000,000	7,524,363
Thuế, phí và lệ phí	12,579,012	10,973,672
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86,580,466	134,130,668
Chi phí khác bằng tiền	128,779,750	290,931,012
	<b><u>1,140,765,807</u></b>	<b><u>1,266,526,098</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB**

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số  
17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Quý III năm 2025

**26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	
Quỹ đầu tư Giá trị GFM1	Quỹ thành viên do Công ty quản lý	
Quỹ đầu tư trái phiếu LP	Quỹ mở do Công ty quản lý	
Vũ Quang Vịnh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	(Miễn nhiệm ngày 01/08/2025)
Nguyễn Hải Long	Thành viên Hội đồng quản trị	(Miễn nhiệm ngày 01/08/2025)
Nguyễn Hùng Cường	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	(Miễn nhiệm ngày 01/08/2025)
Nguyễn Thị Nga	Chủ tịch Hội đồng quản trị	(Bỏ nhiệm ngày 01/08/2025)
Nguyễn Thị Kiều Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	(Bỏ nhiệm ngày 01/08/2025)
Nguyễn Hồ Nga	Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị	
Thiều Mai Hương	Giám đốc khối nghiệp vụ	(Miễn nhiệm ngày 01/07/2025)
Đỗ Thị Phương Lan	Kế toán trưởng	

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau

	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024
	VND	VND
<b>Doanh thu hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư</b>	<b>430,857,986</b>	<b>486,607,725</b>
Quỹ đầu tư Giá trị GFM1	252,460,532	273,085,165
Quỹ đầu tư trái phiếu LP	178,397,454	213,522,560
<b>Phí mua lại chứng chỉ quỹ mở</b>	<b>3,419,928</b>	<b>144,616,556</b>
Quỹ đầu tư trái phiếu LP	3,419,928	144,616,556

Số dư với các bên liên quan:

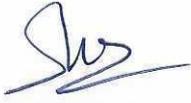
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Đầu tư dài hạn theo mệnh giá</b>	<b>19,800,000,000</b>	<b>19,800,000,000</b>
Quỹ đầu tư Giá trị GFM1	10,000,000,000	10,000,000,000
Quỹ đầu tư trái phiếu LP	9,800,000,000	9,800,000,000
<b>Phải thu các hoạt động nghiệp vụ</b>	<b>434,277,914</b>	<b>631,224,281</b>
Quỹ đầu tư Giá trị GFM1	252,460,532	273,085,165
Quỹ đầu tư trái phiếu LP	181,817,382	358,139,116

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB**

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số  
17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Quý III năm 2025

<b>Phải trả, phải nộp khác</b>	<b>14,000,000</b>	<b>64,800,000</b>
Nguyễn Hải Long	-	4,500,000
Vũ Quang Vịnh	-	6,300,000
Nguyễn Thị Nga	6,000,000	-
Nguyễn Thị Kiều Anh	4,000,000	-
Nguyễn Hồ Nga	4,000,000	-
Quỹ đầu tư Giá trị GFMI	-	27,000,000
Quỹ đầu tư trái phiếu LP	-	27,000,000



Nguyễn Thị Liên  
Người lập



Đỗ Thị Phương Lan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nga  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
QUẢN LÝ QUỸ LPB**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 220/2025/LPB/CU

TP Hà Nội, ngày 15 ngày 10 năm 2025

V/v: Giải trình LNST kỳ báo cáo biến động từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

- Vụ Quản lý các Công ty Quản lý quỹ và Quỹ đầu tư chứng khoán.

- Căn cứ khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần quản lý quỹ LPB (“Công ty”) xin được giải trình nội dung lợi nhuận sau thuế kỳ biến động trên 10% so với cùng kỳ năm trước như sau:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Quý III Năm 2025	Quý III Năm 2024	Chênh lệch	Tỷ lệ so sánh
Lợi nhuận sau thuế	(256.875.666)	1.206.310.616	(1.463.186.282)	-121,29%

Chênh lệch là do nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Doanh thu hoạt động từ hoạt động nghiệp vụ so với cùng kỳ năm trước giảm: 1.078.868.079 đồng. Điều này là do trong kỳ không phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán khiến cho tổng doanh thu của Công ty giảm mạnh.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm: 281.869.284 đồng
- Chi phí tài chính tăng so với cùng kỳ năm trước: 377.473.047 đồng.
- Chi phí khác tăng so với cùng kỳ năm trước: 118.315.847 đồng

Trên đây Công ty xin giải trình với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về mức chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên 10% so với cùng kỳ năm trước tại Báo cáo tài chính Quý III năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 theo quy định của pháp luật.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên kính gửi;
- Lưu VT;
- Lưu KSNB.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Hồ Nga*